

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGHI LỘC  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-4-2022

V/v: "Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phùng Thị Hương Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Quang Hòa

2. Ông Nguyễn Đức Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Xuân Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1997

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, thôn 4, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam (Vắng mặt có lý do).

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Xóm 3, xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số 1, Đội 33, Trại giam Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. (Vắng mặt có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 01 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh T trình bày trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T kết hôn với nhau vào ngày 03 tháng 5 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Hôn

nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần hai năm thì đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra xung đột, gây gổ, cãi vã lẫn nhau. Anh T còn vi phạm pháp luật và đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Hiện nay chị xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 (Một) con chung là Trần Yến N, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2017. Hiện con chung đang chung sống với chị và do chị nuôi dưỡng, vì vậy chị có nguyện vọng được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh Tùng phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn T hiện nay đang thi hành án tại Trại giam Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nên không thể tham gia giải quyết vụ án cũng như có mặt tại tòa án được. Căn cứ vào bản tự khai của anh Tùng thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T cùng ý kiến với chị T về điều kiện và thời gian kết hôn cũng như quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Hiện tại anh cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, quan tâm gì đến nhau và anh đã vi phạm pháp luật đang phải chấp hành án tại tỉnh Quảng Bình nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh T cũng xác định vợ chồng có 01 (Một) con chung là Trần Yến N, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2017. Anh có nguyện vọng cùng với chị Thủy nuôi con chung để con có cả cha và mẹ.

Về chia tài sản và nợ chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hay rút yêu cầu.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời gian quy định. Việc thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng thời gian, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về các đương sự: Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Văn T.

+ Về con chung: Giao con chung là Trần Yến N, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2017 cho chị Thủy là người trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản và nợ chung: Chị T, anh T không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn với anh Trần Văn T nên được xác định là quan hệ tranh chấp “Hôn nhân gia đình”. Bị đơn anh Trần Văn T có nơi cư trú tại xóm 3, xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn hiện đang chấp hành án tại trại giam Trại giam Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của chị Thủy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tùng thấy rằng: Hôn nhân giữa chị Thủy và anh Tùng là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như ý kiến, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn thì có căn cứ để xác định: Chị T và anh T trong quá trình chung sống đã phát

sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, từ đó thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã lẫn nhau, không còn tình cảm, yêu thương, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Điều đó chứng tỏ các bên đã vi phạm về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng và kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được; đời sống chung của vợ chồng không tồn tại trên thực tế vì anh T vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, hơn nữa anh T cũng đồng ý ly hôn. Do đó, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có một con chung là Trần Yến N, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2017. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con chung. Anh T thì mong muốn cùng với chị T nuôi con. Xét thấy, nguyện vọng của các bên đương sự là chính đáng, thể hiện tình cảm, trách nhiệm đối với con chung. Tuy nhiên thấy rằng kể từ khi anh T phải đi chấp hành án con chung ở cùng với chị T và do chị T nuôi dưỡng nên để đảm bảo sự ổn định về mọi mặt cho con nên cần giao con cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị T và anh T đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; điều 227; điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51; điều 56; điều 81, 82 và điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Thanh T:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về việc nuôi con: Giao con chung là Trần Yến N, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2017 cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Tùng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu anh Tùng lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người đó.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Tùng cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về chia tài sản: Chị T và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Đặng Thị Thanh T phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005168 ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Nghi Lộc;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS H. Nghi Lộc;
- UBND xã P;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phùng Thị Hương Giang**

